TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST Ngày 25-4-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Minh Phương

Bà Khúc Thị Minh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị N, sinh năm 1992; HKTT: Thôn 6, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Thôn 9, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Thế T, sinh năm 1989; địa chỉ nơi cư trú: Thôn 6, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10/02/2023 và bản tự khai ngày 22/02/2023 chị N trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Hoàng Thế T thời gian từ năm 2010, nhưng đến ngày 25/3/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 11 năm. Tuy Nên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 8 năm 2022 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, anh T

chơi bời cờ bạc và nghiện uống rượu. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù chị đã khuyên bảo anh T thay đổi cách sống, gia đình thôn xóm đã hòa giải Nều lần để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở Nều lần, lần sau cùng từ tháng 01/2023 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con là Hoàng Thế T1, sinh ngày 29/4/2011 và Hoàng Thị Yến N, sinh ngày 12/7/2016, hiện cháu T1 đang do anh T nuôi dưỡng, cháu N đang do chị nuôi dưỡng. Chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cháu T1. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; giữa chị N và anh T thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T trình bày tại bản tự khai ngày 07/3/2023: Thống nhất với chị N về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 8/2022 do phong cách sống không phù hợp, không thống nhất với nhau trong làm ăn kinh tế. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải Nều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở Nều lần, lần sau cùng từ tháng 01/2023 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, nhưng do còn tình cảm với chị N nên anh xin đoàn tụ với chị N. Anh không đến Tòa án để giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là Hoàng Thế T1, sinh ngày 29/4/2011 và Hoàng Thị Yến N, sinh ngày 12/7/2016, hiện cháu T1 đang do anh nuôi dưỡng, cháu N đang do chị N nuôi dưỡng. Anh xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1, trên cơ sở nguyện vọng của cháu, nhất trí để chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; giữa anh T và chị N thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống từ năm 2010, nhưng đến ngày 25/3/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Anh chị sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại. Nay chị N xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của hai bên thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài; nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Đào Thị N được ly hôn anh Hoàng Thế T.

3. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Thế T1, sinh ngày 29/4/2011 và Hoàng Thị Yến N, sinh ngày 12/7/2016. Hiện cháu T1 đang do anh T nuôi dưỡng, cháu N đang do chị N nuôi dưỡng. Nay anh chị đều thống nhất: Giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị N nuôi dưỡng đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi; cháu T1 có nguyện vọng được ở với anh T; cần chấp nhận. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Hoàng Thế T1, sinh ngày 29/4/2011 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Thị Yến N, sinh ngày 12/7/2016 cho chị N nuôi dưỡng đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh T thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống từ giữa năm 2010, nhưng đến ngày 25/3/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 11 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ tháng 8 năm 2022 do phong cách sống không còn phù hợp, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, anh T chơi bời cờ bạc và nghiện uống rượu. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải Nếu lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị N xin ly hôn, còn anh T xin đoàn tụ. Nhưng qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại địa phương cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 8 năm 2022 đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở Nều lần, lần sau cùng từ tháng 01 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận; Nên xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Thế T1, sinh ngày 29/4/2011 và Hoàng Thị Yến N, sinh ngày 12/7/2016, hiện cháu T1 đang do anh T nuôi dưỡng, cháu N đang do chị N nuôi dưỡng. Nay anh chị đều thống nhất: Giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị N nuôi dưỡng đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi và cháu T1 có nguyện vọng được ở với anh T, được chấp nhận. Cần giao cháu T1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N được ly hôn anh Hoàng Thế T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thế T1, sinh ngày 29/4/2011 cho anh T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Hoàng Thị Yến N, sinh ngày 12/7/2016 cho chị N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị N và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001881 ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị N đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K1;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền